

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2024 ĐẾN NGÀY 30/06/2024

Tháng 8 năm 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	08 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thành Thái (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Bá Chính
Bà Trịnh Thanh Nhân
Ông Trần Trung Hiếu
Bà Mạc Thị Nhung

Chủ tịch hội đồng quản trị, Người đại diện pháp luật
Thành viên
Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2024)
Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/04/2024)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Mạc Thị Nhung

Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện Theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Bá Chính

Chủ tịch hội đồng quản trị

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Doanh nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Mạc Thị Nhung

Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 08 năm 2024

Số. 18/BCSX-UHYHP

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Thái**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Thái (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14 tháng 08 năm 2024, từ trang 04 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có bất kỳ vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Hồng Hiền

Giám đốc Chi nhánh

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 1117-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		80.168.823.642	49.373.094.886
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.086.925.175	307.444.877
1. Tiền	111		4.086.925.175	307.444.877
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		60.010.744.847	20.017.269.177
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	21.703.028.716	19.761.185.618
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.000.242.778	1.169.997
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	37.478.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.116.890.269	1.542.330.478
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(1.287.416.916)	(1.287.416.916)
III. Hàng tồn kho	140	8	14.744.004.819	27.023.611.239
1. Hàng tồn kho	141		14.744.004.819	27.023.611.239
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.327.148.801	2.024.769.593
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	8.680.003	35.693.988
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	571.751.678
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	1.318.468.798	1.417.323.927
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.670.187.074	20.490.543.763
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	6	-	15.300.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	15.300.000.000
II. Tài sản cố định	220		3.475.545.671	3.854.429.885
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	3.475.545.671	3.854.429.885
- Nguyên giá	222		27.970.188.389	27.970.188.389
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.494.642.718)	(24.115.758.504)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		677.697.312	677.697.312
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(677.697.312)	(677.697.312)
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.194.641.403	1.336.113.878
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	1.194.641.403	1.336.113.878
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		84.839.010.716	69.863.638.649

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		44.115.428.727	28.310.227.897
I. Nợ ngắn hạn	310		44.115.428.727	28.310.227.897
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	23.185.845.058	7.440.383.566
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		77.392.179	77.392.179
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	586.102.863	13.909.645
4. Phải trả người lao động	314		205.238.000	246.372.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	68.395.900
6. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		48.518.551	114.470.706
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	18.935.000.000	20.300.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.077.332.076	49.303.901
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		40.723.581.989	41.553.410.752
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	40.723.581.989	41.553.410.752
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		52.000.000.000	52.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		52.000.000.000	52.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(2.696.860.498)	(2.696.860.498)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		5.200.000.000	5.200.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	415		(2.817.747)	(2.817.747)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	1.301.511.824
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(13.776.739.766)	(14.248.422.827)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm	421		(14.248.422.827)	(14.578.794.779)
- LNST chưa phân phối năm nay	421		471.683.061	330.371.952
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		84.839.010.716	69.863.638.649



Nguyễn Thị Hải Yên

Người lập biểu

Ngày 14 tháng 08 năm 2024



Nguyễn Thị Hải Yên

Kê toán trưởng




Mạc Thị Nhung

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	01		72.209.537.437	67.106.899.998
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	17	72.209.537.437	67.106.899.998
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	70.042.816.050	65.788.597.576
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.166.721.387	1.318.302.422
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1.364.359.606	1.073.359
7. Chi phí tài chính	22	20	914.221.907	1.100.966.680
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		914.221.907	1.100.898.317
8. Chi phí bán hàng	25	21	1.026.193.556	1.493.081.800
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	1.617.883.982	1.856.168.672
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(27.218.452)	(3.130.841.371)
11. Thu nhập khác	31		507.701.513	320.002
12. Chi phí khác	32		8.800.000	5.610.016
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	22	498.901.513	(5.290.014)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		471.683.061	(3.136.131.385)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		471.683.061	(3.136.131.385)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	91	(603)

Nguyễn Thị Hải Yến
Người lập biểu
Ngày 14 tháng 08 năm 2024

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng



Mạc Thị Nhung
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		77.157.266.331	74.775.579.624
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(30.166.444.851)	(57.784.579.077)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.784.944.670)	(1.152.161.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(950.210.400)	(1.100.898.317)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		314.670.850	-
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(295.687.440)	(593.440.020)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		44.274.649.820	14.144.501.210
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(33.178.000.000)	
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		11.000.000.000	
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.982.830.478	1.073.359
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(20.195.169.522)	1.073.359
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	5.640.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(20.300.000.000)	(22.665.697.670)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(20.300.000.000)	(17.025.697.670)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		3.779.480.298	(2.880.123.101)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	307.444.877	3.217.323.401
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(68.363)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	4	4.086.925.175	337.131.937


Nguyễn Thị Hải Yến
Người lập biểu
Ngày 14 tháng 08 năm 2024


Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng



Mạc Thị Nhung
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thành Thái là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0200412681 đăng ký lần đầu ngày 02/01/2001 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần thứ 16 ngày 16/12/2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là KKC.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 là: 52.000.000.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động chính

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là hoạt động thương mại.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh sắt thép các loại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian trong vòng 12 tháng.

Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 18 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 18 nhân viên).

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 hàng năm theo quy định.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ và dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	05 – 15
Thiết bị quản lý	03 – 10
Phương tiện vận tải	06 – 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao***Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là chi phí để có Quyền sử dụng 8.742 m² đất thuê có thời hạn theo hình thức trả tiền hàng năm và đã trả trước tiền thuê đất nhiều năm tại An Hồng, An Dương, Hải Phòng đến tháng 12/2032; ngày 26/06/2019 Công ty được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán bao gồm tiền thuê đất và công cụ dụng cụ.

Tiền thuê đất: Phản ánh chi phí để có Quyền sử dụng 4.933,4 m² đất thuê có thời hạn theo hình thức trả tiền hàng năm tại An Hồng, An Dương, Hải Phòng và được phân bổ theo thời gian thuê đất.

Công cụ dụng cụ: bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác. Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong kỳ được trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	47.259.556	90.362.408
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.039.665.619	217.082.469
Cộng	4.086.925.175	307.444.877

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁISố 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MÃ SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ***5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	21.703.028.716	19.761.185.618
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	2.055.045.189	-
Công ty TNHH Sản xuất và TM Thép Bắc Việt	18.148.518.374	191.051.141
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&D Group	30.936.530	8.502.314.088
Công ty Cổ phần Thành Đức Holding	130.018.000	9.694.820.473
Đối tượng khác	1.338.510.623	1.372.999.916
Cộng	21.703.028.716	19.761.185.618

*Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**(Chi tiết xem tại thuyết minh 24)***6. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	37.478.000.000	37.478.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Thành Đức Holding	37.478.000.000	37.478.000.000	-	-
Dài hạn	-	-	15.300.000.000	15.300.000.000
Công ty Cổ phần Thành Đức Holding	-	-	15.300.000.000	15.300.000.000

Phân ánh khoản Công ty cho Công ty Cổ phần Thành Đức Holding vay Theo hợp đồng số 0109.2023/HĐVT/TT-TĐ ngày 01 tháng 09 năm 2023, thời hạn cho vay từ tháng 9/2023 đến 31/12/2024, lãi suất cho vay bằng với lãi suất cho vay của ngân hàng HD bank tại thời điểm chuyển tiền; khoản cho vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba là 482 m² đất thương mại dịch vụ tại thửa đất số 324, tờ bản đồ số 38, sổ sổ cấp GCN CT22220, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

7. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Trích lập dự phòng	Giá gốc	Trích lập dự phòng
	VND	VND	VND	VND
DN tư nhân Phương Lưu	789.002.100	(789.002.100)	789.002.100	(789.002.100)
Công ty cơ khí XDCT giao thông 121	110.876.177	(110.876.177)	110.876.177	(110.876.177)
Công ty CP thép Châu Phong	146.318.825	(146.318.825)	146.318.825	(146.318.825)
Khác	241.219.814	(241.219.814)	241.219.814	(241.219.814)
Cộng	1.287.416.916	(1.287.416.916)	1.287.416.916	(1.287.416.916)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁISố 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ***8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hóa	14.744.004.819	-	27.023.611.239	-
Cộng	14.744.004.819	-	27.023.611.239	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	8.680.003	35.693.988
Các khoản khác	8.680.003	35.693.988
Dài hạn	1.194.641.403	1.336.113.878
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	102.804.712	183.052.698
Chi phí để có quyền thuê đất (*)	1.091.836.691	1.153.061.180
Cộng	1.203.321.406	1.371.807.866

(*) Chi phí để có Quyền sử dụng 4.933,4 m² đất thuê có thời hạn theo hình thức trả tiền hàng năm tại An Hồng, An Dương, Hải Phòng.**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm VND	Số phải nộp/ thu trong năm VND	Số đã thực nộp/ thu trong năm VND	Số cuối kỳ VND
Phải thu				
Thuế TNCN	-	13.116.421	3.700.000	9.416.421
Thuế nhà đất	1.417.323.927	28.088.000	136.359.550	1.309.052.377
Cộng	1.417.323.927	41.204.421	140.059.550	1.318.468.798
Phải nộp				
Thuế TNCN	13.909.645	-	13.909.645	-
Thuế GTGT	-	7.181.376.076	6.595.273.213	586.102.863
Thuế nhà đất	-	197.742.800	197.742.800	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	13.909.645	7.383.118.876	6.810.925.658	586.102.863

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁISố 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ***MÃ SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị quản lý		TSCĐ hữu hình khác		Cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ											
Tại ngày đầu năm	16.053.783.099	4.636.602.637	7.042.894.665	33.445.455	203.462.533	27.970.188.389					
Tại ngày cuối kỳ	16.053.783.099	4.636.602.637	7.042.894.665	33.445.455	203.462.533	27.970.188.389					
HAO MÒN LŨY KẾ											
Tại ngày đầu năm	12.429.092.038	4.529.925.907	6.996.853.035	33.445.455	126.442.069	24.115.758.504					
Khấu hao trong năm	310.762.026	26.669.184	27.625.002	-	13.828.002	378.884.214					
Tại ngày cuối kỳ	12.739.854.064	4.556.595.091	7.024.478.037	33.445.455	140.270.071	24.494.642.718					
GIÁ TRỊ CÒN LẠI											
Tại ngày đầu năm	3.624.691.061	106.676.730	46.041.630	-	77.020.464	3.854.429.885					
Tại ngày cuối kỳ	3.313.929.035	80.007.546	18.416.628	-	63.192.462	3.475.545.671					

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 với giá trị 22.331.706.888 đồng (01/01/2024: 22.331.706.888 đồng).

Như trình bày tại thuyết minh số 13, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 30/06/2024 là 3.475.545.671 đồng (ngày 01/01/2024 là: 3.854.429.885 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁISố 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ***12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	23.185.845.058	23.185.845.058	7.440.383.566	7.440.383.566
Công ty CP SX TM DV Thiết bị công nghiệp Phương Nam	4.804.024.488	4.804.024.488	6.804.024.488	6.804.024.488
Công ty TNHH TM ĐT Thanh Hà	18.036.801.816	18.036.801.816	-	-
Công ty Cổ Phần Sông Hồng	-	-	430.562.000	430.562.000
Các đối tượng khác	345.018.754	345.018.754	205.797.078	205.797.078
Cộng	23.185.845.058	23.185.845.058	7.440.383.566	7.440.383.566

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối kỳ	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm	
	Giá trị VND	VND	VND	VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Vay ngắn hạn</i>	20.300.000.000	20.300.000.000	18.935.000.000	20.300.000.000	18.935.000.000	18.935.000.000
Ngân hàng TMCP phát triển TP. HCM (1)	20.300.000.000	20.300.000.000	18.935.000.000	20.300.000.000	18.935.000.000	18.935.000.000
Cộng	20.300.000.000	20.300.000.000	18.935.000.000	20.300.000.000	18.935.000.000	18.935.000.000

(1) Vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 16916/23MB/HĐTD ngày 18/09/2023 với tổng hạn mức là 25 tỷ đồng trong vòng 12 tháng, thời hạn trả nợ theo kế ước nhận nợ cụ thể, mục đích vay dùng bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sắt thép; Số tiền vay, lãi suất, kỳ hạn theo từng kế ước nhận nợ cụ thể; Khoản vay được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần tập đoàn T&D Group và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại xã An Hồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số đầu năm trước	52.000.000.000	5.200.000.000	(2.696.860.498)	(2.817.747)	1.301.511.824	(14.578.794.779)	41.223.038.800
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	330.371.952	330.371.952
Số đầu năm nay	52.000.000.000	5.200.000.000	(2.696.860.498)	(2.817.747)	1.301.511.824	(14.248.422.827)	41.553.410.752
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(1.301.511.824)	471.683.061	471.683.061
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	-	(1.301.511.824)
Số cuối kỳ	52.000.000.000	5.200.000.000	(2.696.860.498)	(2.817.747)	-	(13.776.739.766)	40.723.581.989

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁISố 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MÃ SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ***14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)***Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)*

(*) Trong năm công ty có chuyển nguồn quỹ đầu tư phát triển sang quỹ khen thưởng theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024 NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hiện hành, vốn điều lệ của công ty là 52.000.000.000 đồng.

Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm ngày 30/06/2024 như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty CP Tập đoàn T&D Group	44.553.690.000	85,68	44.553.690.000	85,68
Cổ đông khác	7.446.310.000	14,32	7.446.310.000	14,32
Cộng	52.000.000.000	100	52.000.000.000	100

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	52.000.000.000	52.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	52.000.000.000	52.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ (Cổ phiếu)	Số đầu năm (Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.200.000	5.200.000
- <i>Số lượng cổ phiếu phổ thông</i>	5.200.000	5.200.000
Số lượng cổ phiếu quỹ	184	184
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.199.816	5.199.816
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.199.816	5.199.816

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu.

15. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ (USD)	603,23	599,66

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁISố 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ***16. BÁO CÁO BỘ PHẬN****Báo cáo bộ phận chính yếu:**

Theo lĩnh vực kinh doanh, trong đó doanh thu bán hàng hóa là doanh thu liên quan đến hàng thương mại các mặt hàng sắt, thép là hoạt động chính; hoạt động cho thuê kho bãi, vận chuyển là hoạt động thứ yếu:

Năm nay

Chỉ tiêu	Doanh thu VND	Giá vốn VND	Lãi gộp VND
Kinh doanh thương mại	70.870.343.870	70.042.816.050	827.527.820
Hoạt động khác	1.339.193.567	-	1.339.193.567
Cộng	72.209.537.437	70.042.816.050	2.166.721.387

Năm trước

Chỉ tiêu	Doanh thu VND	Giá vốn VND	Lãi gộp VND
Kinh doanh thương mại sắt, thép	65.913.365.899	65.788.597.576	124.768.323
Hoạt động khác	1.193.534.099	-	1.193.534.099
Cộng	67.106.899.998	65.788.597.576	1.318.302.422

Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý do Công ty hoạt động chính tại địa bàn Hải Phòng.

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ trong năm	72.209.537.437	67.106.899.998
Doanh thu thương mại	70.870.343.870	65.913.365.899
Doanh thu hoạt động khác	1.339.193.567	1.193.534.099
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	72.209.537.437	67.106.899.998
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết xem tại thuyết minh 24)</i>		

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa, dịch vụ	70.042.816.050	65.788.597.576
Giá vốn dịch vụ khác	-	-
Cộng	70.042.816.050	65.788.597.576

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁISố 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN**

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ***19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	367.966	1.073.359
Lãi cho vay	1.361.511.085	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.480.555	-
Cộng	1.364.359.606	1.073.359

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	914.221.907	1.100.898.317
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	68.363
Cộng	914.221.907	1.100.966.680

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</i>	<i>1.026.193.556</i>	<i>1.493.081.800</i>
Chi phí nhân viên	662.522.744	729.850.340
Chi phí khấu hao TSCĐ	163.330.800	224.555.292
Chi phí dịch vụ mua ngoài	191.670.012	534.821.168
Các khoản chi phí QLDN khác	8.670.000	3.855.000
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i>	<i>1.617.883.982</i>	<i>1.856.168.672</i>
Chi phí nhân viên	1.038.982.122	1.020.955.720
Chi phí khấu hao TSCĐ	215.553.414	215.553.414
Thuế, phí và lệ phí	140.359.550	201.742.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	220.968.896	414.106.738
Chi phí khác	2.020.000	3.810.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁISố 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MÃ SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ***22. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	507.701.513	320.002
Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng	307.822.329	-
Lãi trả chậm	199.879.184	-
Các khoản khác	-	320.002
Chi phí khác	8.800.000	5.610.016
Các khoản chi phí khác	8.800.000	5.610.016
Lợi nhuận khác	498.901.513	(5.290.014)

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	471.683.061	(3.136.131.385)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	471.683.061	(3.136.131.385)
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm	5.199.816	5.199.816
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	91	(603)

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan**

Bên liên quan	Bản chất bên liên quan
Công ty Cổ phần tập đoàn T&D Group	Cùng thành viên Ban lãnh đạo, Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thành Đức Holding	Cùng thành viên Ban lãnh đạo
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Gia Minh	Cùng thành viên Ban lãnh đạo
Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, người thân của các thành viên Ban lãnh đạo	Ban lãnh đạo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Thành Đức Holding		
Phải thu tiền bán hàng (bao gồm VAT)	742.896.000	9.672.144.320
Thu tiền bán hàng	10.307.698.473	20.855.784.649
Cho vay ngắn hạn	33.178.000.000	-
Lãi tiền vay	1.361.511.085	-
Tiền thu từ cho vay	11.000.000.000	-
Công ty Cổ phần tập đoàn T&D Group		
Phải thu tiền bán hàng (bao gồm VAT)	340.936.530	167.200.000
Thu tiền bán hàng	8.812.314.088	9.438.258.042
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Gia Minh		
Phải thu tiền bán hàng (bao gồm VAT)	-	350.116.945
Thu tiền bán hàng	-	595.612.489

Số dư với các bên liên quan

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
	Công ty CP Thành Đức Holding	
Phải thu thương mại	130.018.000	9.694.820.473
Phải thu tiền cho vay	37.478.000.000	15.300.000.000
Lãi vay phải thu	1.093.390.269	1.514.830.478
Công ty cổ phần tập đoàn T&D Group		
Phải thu thương mại	30.936.530	8.502.314.088

Các khoản lương, thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Phạm Bá Chính- Chủ tịch hội đồng quản trị	162.300.000	88.000.000
Bà Trịnh Thanh Nhân - Thành viên HĐQT	16.200.000	18.000.000
Ông Trần Trung Hiếu - Thành viên HĐQT (1)	10.800.000	18.000.000
Bà Mạc Thị Nhung - Tổng giám đốc, thành viên HĐQT (2)	177.704.722	188.941.485

(1) Miễn nhiệm ngày 26/04/2024.

(2) Bổ nhiệm ngày 26/04/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hoạt động từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 đã được soát xét.



Nguyễn Thị Hải Yến
Người lập biểu

Ngày 14 tháng 08 năm 2024



Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng



Mạc Thị Nhung
Tổng Giám đốc